

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 11 - 2019

V/v: Chị Phạm Thị L xin ly hôn
anh Bùi Công T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.
2. Ông Nguyễn Tiến Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TH, xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn TP, xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Công T, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TH, xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình; Hiện đang cai nghiện

bắt buộc tại Cơ sở C tỉnh Thái Bình (cơ sở 2); địa chỉ: Số XXX, phố N, phường K, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:***

Chị và anh Bùi Công T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14 tháng 7 năm 2008 tại UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị phát hiện anh T nghiện ma túy, do nghiện ma túy nên anh T không chịu đi làm, để có tiền sử dụng ma túy, anh T lấy tiền tiết kiệm của vợ chồng, đem cầm cố xe máy, bán đồ đạc có trong gia đình. Chị góp ý, anh T không nghe, vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, có lần anh T đã đánh chị. Khi phát hiện anh T nghiện ma túy, chị đã nói chuyện với bố mẹ để anh T nhưng ông bà không tin chị, nói anh T không nghiện, chỉ là chị nói quá lên, rồi khi biết chính xác anh T sử dụng ma túy, ông bà lại nói nó có nghiện thì mới lấy mày, rồi ông bà chê chị khôn không ra khôn, ngu không ra ngu, chê chị trình độ học vấn thấp, điều này khiến chị thực sự rất mệt mỏi, chán nản. Để cai nghiện cho anh T, chị và bố mẹ để anh T đã phân tích, khuyên bảo, tổ chức cai nghiện cho anh T ở nhà nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 5 năm 2013 chị đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan thời hạn 03 năm. Tháng 5 năm 2016 hết hạn hợp đồng, chị về nước. Tháng 8 năm 2016 anh T nộp đơn xin ly hôn chị tại Tòa án, do thời điểm đó chị và anh T có khúc mắc về kinh tế, không giải quyết được với nhau nên sau đó anh T đã rút đơn ly hôn. Do biết anh T vẫn nghiện ma túy, để lo cuộc sống, cho tương lai của cả chị và con, tháng 8 năm 2016 chị tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan lần 2, thời hạn 03 năm. Tháng 8 năm 2019 hết hạn hợp đồng lao động, chị về nước và ở tại nhà bố mẹ để chị, chị được biết do nghiện ma túy nên anh T đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở C tỉnh Thái Bình (cơ sở 2) tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình với thời hạn là 15 tháng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, do nghiện ma túy nên anh T không chịu lao động, không có

trách nhiệm với gia đình, không từ bỏ ma túy, từ năm 2013 đến nay chị và anh T đã chấm dứt mọi quan hệ, cuộc sống chung giữa anh chị không có tương lai, không có hạnh phúc, do đó chị cương quyết xin được ly hôn anh Bùi Công T.

Chị và anh Bùi Công T có 01 con chung tên là Bùi Ngân Th, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009. Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động, con Th sống cùng anh T và ông bà nội, từ khi chị hết hạn lao động về địa phương, do xác định sẽ không tiếp tục đi xuất khẩu lao động nữa nên chị đã đón con về ở cùng chị. Nay ly hôn, vì con là con gái, đang độ tuổi trưởng thành, cần sự chăm sóc của chị, do đó chị xin được nuôi con Bùi Ngân Th và không yêu cầu anh T phải có cấp dưỡng cho con chung cùng chị. Hiện chị làm may tư nhân tại địa phương, thu nhập 1 tháng khoảng 05 triệu đồng. Việc chị nuôi con còn có sự hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần của bố mẹ đẻ chị.

Chị và anh Bùi Công T không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Tại bản tự khai đề ngày 23 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Công T trình bày:***

Anh và chị Phạm Thị L đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 7 năm 2008 tại UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh và chị L chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị có nhiều bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Tháng 5 năm 2013 chị L đi xuất khẩu lao động. Tháng 8 năm 2016, anh đã nộp đơn ly hôn chị L tại Tòa án, thời điểm đó anh và chị L đã thuận tình ly hôn nhưng do không thống nhất được về việc phân chia tài sản nên anh đã rút đơn ly hôn. Sau đó chị L tiếp tục đi xuất khẩu lao động lần 2. Trong khoảng thời gian 6 năm (từ năm 2013 đến năm 2019) thời gian đầu, anh có gọi điện cho chị L một vài lần nhưng chị L không nghe máy, không phản hồi lại, sau anh chị không liên lạc, không hỏi han gì đến nhau. Nay chị L xin ly hôn anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị chị L phải đợi anh hết thời gian cai nghiện còn lại, khi trở về gia đình, chị L vẫn cố tình ly hôn thì lúc đó anh cũng sẽ đồng ý ly hôn vì không còn gì để níu kéo nữa. Trong thời gian cai nghiện còn lại, anh không đồng ý ly hôn mà chị L kiên quyết xin ly hôn anh,

đồng nghĩa với việc chị L không còn tình nghĩa gì với anh. Anh muốn giữ người ở lại chứ không muốn giữ người ra đi. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh và chị Phạm Thị L có một con chung là Bùi Ngân Th, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009. Trong thời gian chị L đi xuất khẩu lao động, con Th do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không có trách nhiệm gì. Hiện anh đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng, theo thời hạn trên đến ngày 04 tháng 01 năm 2020 là anh chấp hành xong, khi về gia đình, anh sẽ tiếp tục nuôi dạy con, mặt khác để con có cuộc sống ổn định, nên nếu việc ly hôn đặt ra giải quyết, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Ngân Th và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con chung cùng anh. Trước khi đi cai nghiện bắt buộc anh làm công nhân may, thu nhập bình quân 05 triệu đồng/01 tháng.

Anh và chị Phạm Thị L không có tài sản chung. Anh cho rằng trong thời gian chị L lao động xuất khẩu có thể có tiền tiết kiệm, anh xác định đây là tài sản chung của anh chị. Hiện tại anh chưa có căn cứ chứng minh về khoản tiền này nên anh không đề nghị chia, khi nào anh có căn cứ có thể anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Anh và chị L không cho ai vay nợ chung. Anh có đi vay nhưng chị L không biết, do vậy anh không trình bày. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung trong vụ án này.

Do sử dụng ma túy nên anh bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc từ ngày 04 tháng 10 năm 2018, thời hạn là 15 tháng. Từ thời điểm đó đến nay, chị L không thăm gặp, không liên hệ gì với anh.

*** Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đẻ ngày 18 tháng 10 năm 2019, cháu Bùi Ngân Th trình bày:** Bố đẻ cháu là Bùi Công T. Mẹ đẻ cháu là Phạm Thị L. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ đẻ cháu là Phạm Thị L.

*** Tại đơn đề ngày 17 tháng 10 năm 2019 có xác nhận của đại diện cơ sở thôn TP và đại diện UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình, ông Phạm Bá L và bà Phạm Thị L (bố mẹ đẻ của chị Phạm Thị L) trình bày:**

Chị L và anh T kết hôn năm 2008. Quá trình chung sống giữa anh chị không hạnh phúc do anh T nghiện ma túy. Chị L và gia đình anh T đã tổ chức cai nghiện cho anh T nhiều lần nhưng không có kết quả. Do nghiện ma túy nên anh chị hay cãi vã, có lần anh T còn đánh chị L, kinh tế khó khăn, những tài sản có được anh T đều đem bán, cầm cố. Năm 2016 anh chị đã làm thủ tục ly hôn, sau đó lại rút đơn. Vì kinh tế, chị L phải đi làm ăn xa, nay chị L đã quay về, không đi xuất khẩu lao động nữa, sống tại nhà ông bà và lao động tự do tại địa phương. Nay chị L xin ly hôn anh T, là bố mẹ không ai muốn các con phải ly hôn, tuy nhiên do cuộc sống của anh chị không có tương lai, anh T nghiện ma túy nhưng không quyết tâm cai nghiện, do vậy ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh T để chị L ổn định tư tưởng, ổn định cuộc sống, yên tâm chăm sóc nuôi dạy con.

Chị L, anh T có một con chung là Bùi Ngân Th, sinh năm 2009. Vì cháu là con gái, cần sự chăm sóc của mẹ, do đó ông bà đề nghị Tòa án giao cháu Th cho chị L nuôi dưỡng. Ông bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ thêm cho chị L, cháu Th về vật chất và tinh thần trong điều kiện tốt nhất có thể.

Về tài sản giữa chị L và anh T, theo ông bà là không có. Anh chị cũng không có nghĩa vụ gì về tài sản đối với ông bà.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 25 tháng 10 năm 2019 và tại phiên tòa bà Trần Thị Ngân (mẹ đẻ anh Bùi Công T) trình bày:***

Chị L và anh T được hai bên gia đình tổ chức cưới vào năm 2008. Sau kết hôn, anh chị về sống tại gia đình bà và chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T nghiện ma túy. Từ năm 2013 đến năm 2019, chị Loan đi xuất khẩu lao động, trong thời gian đó, chị L không liên lạc gì với anh T và gia đình bà. Nay chị L xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị L và anh T có một con chung là Bùi Ngân Th, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009. Trong thời gian chị L đi xuất khẩu lao động, con Th do anh T và ông bà nội trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ, chị L không hỏi han, không có một chút trách nhiệm gì với con. Nay nếu chị L, anh T ly hôn, về con chung của anh chị, đề

ngợi Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật nhưng phải trên cơ sở đảm bảo hợp tình, hợp lý.

Chị L, anh T có tài sản chung hay không, bà không biết. Anh chị không có nghĩa vụ gì về tài sản đối với ông bà.

**** Tại Biên bản xác minh đề ngày 05 tháng 11 năm 2019, đại diện Cơ sở C tỉnh Thái Bình (cơ sở 2) cung cấp như sau:***

Anh Bùi Công T đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở C tỉnh Thái Bình (cơ sở 2) trụ sở tại Số XXX, phố N, phường K, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, theo Quyết định số XX/2018/QĐ-TA ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thời hạn là 15 tháng. Để đảm bảo công tác quản lý, giáo dục học viên, trong quá trình giải quyết vụ án đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục tổ tụng tại cơ sở cai nghiện. Trường hợp phải xét xử, đề nghị Tòa án xem xét không trích xuất học viên ra khỏi cơ sở cai nghiện.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Bùi Công T. Giao con Bùi Ngân Th, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Phạm Thị L không yêu cầu anh Bùi Công T phải cấp dưỡng cho con chung. Không đặt ra giải quyết về chia tài sản chung. Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Công T, anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TH, xã VV huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Bị đơn anh Bùi Công T hiện đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở C tỉnh Thái Bình, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh Bùi Công T.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Bùi Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2008, quyển số 01, ngày 14 tháng 7 năm 2008, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc sau mới xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T nghiện ma túy và hiện đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở C tỉnh Thái Bình. Tại Tòa án, chị L xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống của anh chị không có tương lai, không có hạnh phúc và đã có thời gian dài sống ly thân, chị cương quyết xin ly hôn anh T. Về phía anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị L, anh không đồng ý ly hôn, do chị L cương quyết ly hôn, anh đề nghị chị L phải đợi anh hết thời gian cai nghiện còn lại, khi đó chị L vẫn cố tình ly hôn thì anh sẽ đồng ý ly hôn, trong thời gian cai nghiện còn lại, anh không đồng ý ly hôn mà chị L kiên quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh T là có, xảy ra đã lâu, anh chị đã được hai bên gia đình phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả, nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng của anh chị đã chấm dứt trên thực tế. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử cho chị L được ly hôn anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị L và anh Bùi Công T có một con chung là Bùi Ngân Th, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009. Ly hôn, chị L, anh T đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy đề nghị được nuôi con chung của anh chị là chính đáng, chị L có công việc, có thu nhập ổn định tại địa phương, anh T hiện đang trong thời gian cai nghiện bắt buộc, mặt khác, con Th là con gái, đang trong độ tuổi trưởng thành, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, khi Tòa án tiến hành ghi lời khai, con Th có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ khi ly hôn và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con trẻ, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao con chung Bùi Ngân Th cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con chung cùng chị.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Phạm Thị L trình bày chị và anh Bùi Công T không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Bùi Công T trình bày anh và chị L không có tài sản chung, tuy nhiên, anh cho rằng trong thời gian chị L đi lao động xuất khẩu có thể có tiền tiết kiệm, nếu có, đây là tài sản chung của anh chị, hiện anh T chưa có căn cứ chứng minh nên anh không đề nghị chia, khi nào anh có căn cứ có thể anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau, anh và chị L không cho ai vay nợ chung, anh có đi vay nhưng chị L không biết, do vậy anh không trình bày, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, về chia tài sản chung Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L, anh Bùi Công T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Bùi Công T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Ngân Th, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2009. Chấp nhận việc chị Phạm Thị L không yêu cầu anh Bùi Công T phải cấp dưỡng cho con chung Bùi Ngân Th cùng chị.

2.2. Anh Bùi Công T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chị Phạm Thị L và anh Bùi Công T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0003612 đề ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 11 năm 2019). Anh Bùi Công T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VV, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 24, quyển số 01, ngày 14/7/2008);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương